

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57; 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 225/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Võ Quốc H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: D, Chung cư H, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ thường trú: 4.15B1, Chung cư H, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ T, Chung cư C, P, đường N, Ấp B, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/01/2015 thì ông Võ Quốc H và bà Lê Thị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông H và bà T cùng thuận tình ly hôn. Bà T cư trú tại xã P, huyện N, do đó việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của ông H và bà T thì sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2024 thì cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, từ đó dẫn đến việc sống ly thân. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay ông H và bà T cùng yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Về con chung: Các bên thống nhất giao con chung là trẻ Võ Quốc Tường M, sinh ngày 22/12/2017 (N) cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà T thỏa thuận ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.0000 đồng, thực hiện vào ngày 10 hàng tháng ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Xét: Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do vậy, việc công nhận thuận tình ly hôn của ông Võ Quốc H và bà Lê Thị T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (ngày 16/7/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Quốc H và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Võ Quốc Tường M, sinh ngày 22/12/2017 (N). Ông H và bà T thỏa thuận giao trẻ Võ Quốc Tường M cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà T thỏa thuận ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.0000 đồng, thực hiện vào ngày 10 hàng tháng ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải cấp dưỡng theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H và bà T xác nhận không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông H và bà T mỗi người phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0058452 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi

nhận:

THẨM PHÁN

- Dương sự;

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;

- VKSND khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh;

- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 –
Thành phố Hồ Chí Minh;

- UBND xã Xuân Thới Thượng,
huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
(Nay là xã Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Ngọc Long